

Bản tin Phân tích kỹ thuật

12/09/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- VN30F2509 có lúc vi phạm đường MA200 trong ngày nhưng lực mua đã nhanh chóng trở lại giúp giữ tín hiệu tăng giá. (M15)
- Vị thế mua được mở quanh 1.859 điểm với mục tiêu kiểm định lại vùng 1.872 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 1.854 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua (L): 1.859 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.872 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.854 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Tiêu cực	Tích cực
VNSmall	Tiêu cực	Tích cực
HNX	Tiêu cực	Tích cực

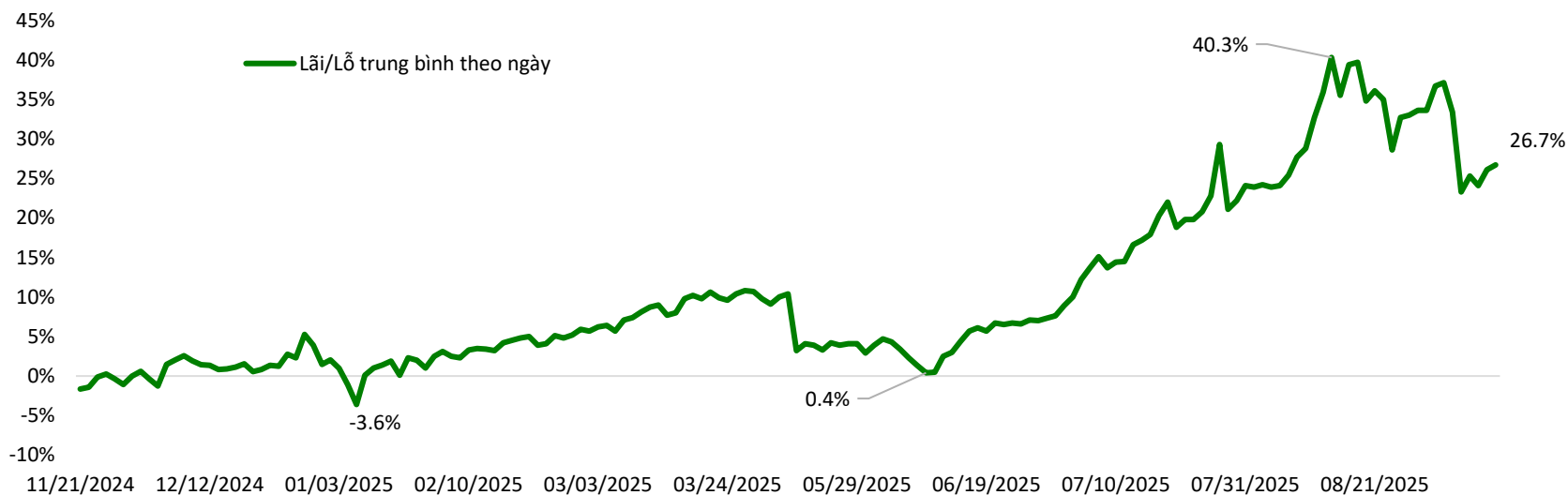


Nguồn: Vietcap

- Mặc dù thoái lui sau khi tiếp cận vùng 1.675 điểm nhưng VN-Index vẫn tăng giá về cuối ngày và duy trì được nhịp tăng đang có nhờ đóng cửa trên các đường MA5 và MA20. Chỉ số VN30 diễn biến tương tự. Thanh khoản giảm ở cả hai chỉ số cho thấy chưa xuất hiện sự giằng co mạnh giữa hai bên cung và cầu. VN-Index có tín hiệu ngắn hạn Trung tính và chỉ số VN30 vẫn giữ được mức Tích cực.
- Xuất hiện thêm nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn lấy lại tín hiệu Tích cực ngắn hạn, thoát khỏi giai đoạn điều chỉnh trước đó. Đáng chú ý, nhóm Vật liệu, Công nghiệp và Dầu khí diễn biến nổi bật nhất trong tuần qua bởi có nhiều cổ phiếu bước vào xu hướng tăng. Về hoạt động giao dịch, hoạt động bán trong ngày tập trung trên cổ phiếu Ngân hàng và Chứng khoán.
- Mặc dù VN-Index bị thu hẹp một phần đà tăng trong ngày nhưng thanh khoản thấp cho thấy áp lực cung chưa cao quanh kháng cự. Ngoài ra, chỉ số vẫn đóng cửa tăng điểm và giữ được dao động trên các điểm tựa kỹ thuật ngắn hạn (1.655-1.660 điểm). Hoạt động bán trong ngày tuy thấp nhưng lực cầu đi kèm cũng chưa cao. Do đó, VN-Index sẽ tiếp tục tăng trong sự thận trọng về các vùng 1.680-1.700 điểm trong phiên tiếp theo.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CEO	09/07/2025		Đang mở	24,100	17,930	34.4%	23,000	31,000	23,000	31,000
HDG	08/08/2025		Đang mở	31,700	27,500	15.3%	25,800	33,000	29,000	37,000



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	137,800	1.32%	10.24%	530,946	1.550	3,487	3.7	39.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	30,000	2.92%	4.17%	230,264	1.481	1,750	1.9	17.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	86,000	4.88%	3.61%	124,349	1.338	1,861	3.8	46.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	31,600	-2.02%	-5.67%	250,712	-1.115	2,193	1.7	14.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VNM	63,200	3.27%	3.78%	132,085	0.952	4,101	4.2	15.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HVN	33,950	3.19%	9.69%	105,734	0.744	3,675	-28.1	9.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	29,350	2.09%	-1.51%	117,400	0.541	1,331	2.1	22.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	40,950	0.74%	-2.38%	287,525	0.468	3,683	1.8	11.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEX	55,000	3.97%	3.65%	49,632	0.435	1,736	3.4	31.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VHM	105,500	-0.38%	5.50%	433,332	-0.361	6,984	2.0	15.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SJS	76,000	6.89%	7.19%	22,608	0.344	1,157	7.2	65.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SSB	19,650	-2.24%	-6.43%	55,904	-0.276	2,416	1.4	8.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	62,500	0.81%	-2.04%	150,809	0.268	5,002	2.2	12.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	17,550	-1.40%	-2.50%	80,620	-0.250	2,388	1.3	7.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	41,900	-1.30%	3.46%	86,981	-0.249	1,574	3.1	26.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PVS	35,400	3.51%	0.85%	16,920	0.344	2,644	1.2	13.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	153,000	1.32%	-3.16%	30,600	0.235	7,830	7.7	19.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	65,000	3.34%	2.85%	11,117	0.215	5,384	3.0	12.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVB	15,300	2.00%	-3.77%	17,972	0.208	-5,056	2.7	-3.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
THD	27,600	3.37%	6.98%	10,626	0.208	226	2.4	122.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MBS	35,600	-1.39%	-7.53%	20,391	-0.164	1,554	2.8	22.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	43,200	1.65%	-1.82%	16,394	0.157	3,977	2.9	10.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VIF	16,200	3.85%	1.25%	5,670	0.126	739	1.2	21.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
HUT	18,500	1.09%	-3.14%	19,763	0.125	178	2.3	104.0	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
DTK	12,300	2.50%	0.82%	8,398	0.122	1,131	1.0	10.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

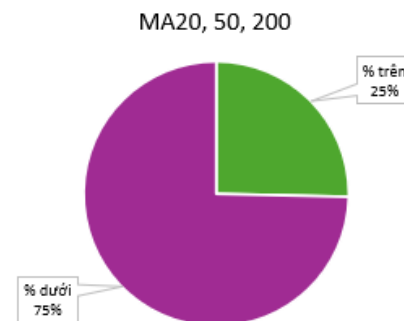
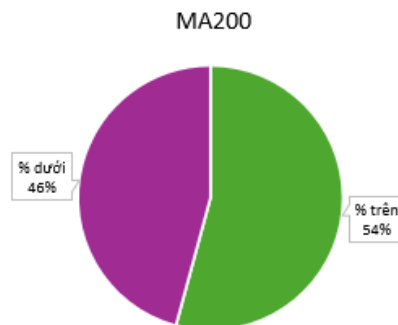
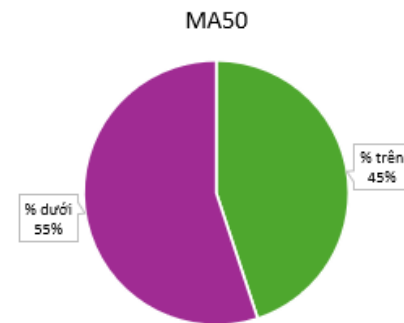
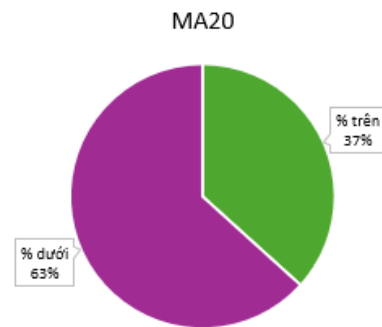
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	128,800	1.26%	-1.30%	135,682	0.003	9,009	8.0	14.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSH	90,100	-4.76%	-5.65%	33,788	-0.002	602	5.9	149.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGI	71,000	0.57%	-4.64%	214,984	0.002	1,913	5.7	36.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DNH	55,000	4.76%	18.03%	23,232	0.002	2,587	4.5	21.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	40,100	2.04%	2.30%	52,888	0.002	5,656	1.8	7.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	58,100	-0.51%	-3.49%	208,122	-0.002	2,751	3.3	21.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	53,500	-0.93%	-2.90%	64,297	-0.001	1,312	4.9	40.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	21,800	2.35%	-0.91%	23,657	0.001	-707	2.0	-30.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDP	170,000	-4.97%	-4.97%	10,507	-0.001	7,038	3.3	24.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MLL	39,000	3.72%	2.90%	13,114	0.001	1,401	2.8	27.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	137,800	1.3%	268.5	445.9	39,900	136,000	3.7	39.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	30,000	2.9%	3109.8	2546.1	17,749	29,850	1.9	17.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	86,000	4.9%	1846.1	998.4	50,300	85,900	3.8	46.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	79,000	0.3%	620.5	797.5	45,593	78,800	3.9	23.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	69,200	0.4%	147.8	265.9	40,841	69,100	2.4	18.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DXG	24,050	2.3%	668.4	602.2	10,513	24,000	2.0	68.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NKG	19,600	2.3%	463.1	369.8	11,300	19,150	1.2	29.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ANV	28,550	0.9%	113.9	148.1	12,400	28,300	2.3	15.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CSM	16,100	7.0%	45.4	20.6	9,786	16,050	1.2	25.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
S99	12,000	8.1%	30.6	4.8	5,619	11,100	0.9	32.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SJD	16,100	1.9%	6.2	2.6	13,650	15,950	1.2	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHA	54,000	5.1%	18.3	5.9	34,550	52,000	1.7	9.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
JVC	6,520	6.9%	16.6	3.9	2,970	6,450	1.3	14.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
L40	66,600	9.7%	26.0	8.3	8,166	60,700	6.4	16.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
C47	12,700	2.4%	10.1	3.2	5,600	12,400	1.0	16.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SCI	11,400	9.6%	9.2	1.1	6,000	10,400	0.7	-21.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TA9	15,200	3.4%	5.3	0.6	11,100	15,100	1.2	6.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BGE	5,700	-6.6%	14.0	4.3	3,200	11,800	0.6	36.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IJC	15,900	6.7%	316.2	89.3	10,550	15,950	1.1	15.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NTP	65,000	3.3%	35.2	20.5	44,395	70,000	3.0	12.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
JVC	6,520	6.9%	16.6	3.9	2,970	6,450	1.3	14.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPR	39,300	4.8%	52.7	30.9	32,990	49,985	1.3	13.4	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			12/09/2025	11/09/2025	10/09/2025	09/09/2025	08/09/2025	05/09/2025	04/09/2025	03/09/2025	29/08/2025	28/08/2025	27/08/2025	26/08/2025	25/08/2025	22/08/2025
VNINDEX	MA200	Trên	67%	65%	65%	65%	65%	68%	69%	68%	67%	68%	68%	65%	64%	65%
		Dưới	33%	35%	35%	35%	35%	32%	31%	32%	33%	32%	32%	35%	36%	35%
	MA50	Trên	56%	52%	50%	54%	54%	66%	68%	66%	64%	64%	64%	62%	57%	59%
		Dưới	44%	48%	50%	46%	46%	34%	32%	34%	36%	36%	36%	38%	43%	41%
	MA20	Trên	40%	34%	29%	28%	26%	45%	53%	47%	39%	40%	40%	37%	29%	30%
		Dưới	60%	66%	71%	72%	74%	55%	47%	53%	61%	60%	60%	63%	71%	70%
VN30	MA200	Trên	80%	80%	80%	80%	80%	83%	83%	83%	80%	83%	83%	83%	77%	77%
		Dưới	20%	20%	20%	20%	20%	17%	17%	17%	20%	17%	17%	17%	23%	23%
	MA50	Trên	73%	73%	70%	70%	73%	77%	77%	77%	77%	83%	83%	80%	77%	73%
		Dưới	27%	27%	30%	30%	27%	23%	23%	23%	23%	17%	17%	20%	23%	27%
	MA20	Trên	47%	43%	33%	23%	30%	80%	83%	77%	73%	77%	73%	77%	63%	70%
		Dưới	53%	57%	67%	77%	70%	20%	17%	23%	27%	23%	27%	23%	37%	30%
HNX	MA200	Trên	59%	59%	58%	60%	61%	64%	62%	63%	61%	61%	60%	59%	61%	62%
		Dưới	41%	41%	42%	40%	39%	36%	38%	37%	39%	39%	40%	41%	39%	38%
	MA50	Trên	53%	50%	49%	48%	50%	56%	60%	58%	56%	56%	56%	54%	50%	52%
		Dưới	47%	50%	51%	52%	50%	44%	40%	42%	44%	44%	44%	46%	50%	48%
	MA20	Trên	59%	59%	58%	60%	61%	64%	62%	63%	61%	61%	60%	59%	61%	62%
		Dưới	41%	41%	42%	40%	39%	36%	38%	37%	39%	39%	40%	41%	39%	38%
UPCOM	MA200	Trên	35%	30%	30%	29%	31%	33%	32%	32%	32%	29%	29%	29%	29%	29%
		Dưới	65%	70%	70%	71%	69%	67%	68%	68%	68%	71%	71%	71%	71%	71%
	MA50	Trên	39%	36%	38%	38%	39%	41%	40%	40%	40%	38%	39%	39%	38%	39%
		Dưới	61%	64%	62%	62%	61%	59%	60%	60%	60%	62%	61%	61%	62%	61%
	MA20	Trên	46%	46%	47%	46%	46%	48%	48%	47%	47%	46%	47%	47%	46%	46%
		Dưới	54%	54%	53%	54%	54%	52%	52%	53%	53%	54%	53%	53%	54%	54%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17	Tháng 9										Tháng 8									
	12 ↓	11	10	09	08	05	04	03	29	28	27	26	25	22	21	20	19	18	15	14
1 Ngân hàng	76	77	76	77	78	87	89	88	87	86	86	85	85	89	89	88	87	88	87	87
2 Bất động sản	73	72	73	75	78	84	85	84	81	81	80	78	77	81	85	86	85	84	87	87
3 Dịch vụ tài chính	68	69	70	70	72	82	84	84	79	76	76	74	75	80	84	85	85	84	85	84
! 4 Bảo hiểm	67	65	64	70	75	80	81	81	78	76	79	77	76	80	83	84	87	85	84	82
↗ 5 Tài nguyên Cơ bản	66	65	66	67	66	72	70	60	56	53	55	51	50	57	63	68	71	76	75	75
6 Thực phẩm và đồ uống...	61	59	58	59	61	68	68	67	64	62	61	54	54	58	61	65	67	68	69	72
7 Xây dựng và Vật liệu	57	55	55	57	63	68	69	65	63	62	64	64	65	70	75	78	77	76	76	79
8 Y tế	56	54	49	50	51	49	47	43	36	33	32	33	35	44	50	52	56	54	55	57
9 Dầu khí	55	51	50	48	57	65	63	58	57	57	57	56	58	66	72	76	80	82	80	79
↘ 10 Điện, nước & xăng dầu...	52	48	49	50	53	56	53	52	58	55	54	51	51	51	53	56	62	60	61	64
↘ 11 Ô tô và phụ tùng	51	47	49	49	52	57	57	52	52	47	47	51	51	55	59	62	59	53	57	58
↘ 12 Hàng & Dịch vụ Công...	50	50	50	52	55	58	58	55	54	55	54	48	49	56	61	60	63	64	66	70
! 13 Hàng cá nhân & Gia ...	48	46	47	48	51	60	55	51	48	48	48	47	45	49	52	57	60	64	67	72
↘ 14 Bán lẻ	47	45	45	45	48	52	53	52	56	56	57	53	55	57	60	62	67	71	71	74
↘ 15 Du lịch và Giải trí	45	45	48	45	43	46	46	49	47	46	46	46	48	54	56	55	53	51	51	54
↘ 16 Hóa chất	42	38	38	39	43	48	47	47	46	46	47	45	46	56	62	66	71	71	71	76
↘ 17 Công nghệ Thông tin	40	35	39	44	48	52	54	48	40	44	41	39	40	46	48	55	57	58	62	71

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	137,800	1.3%	10.2%	530,946	3.7	39.5	3,487	268.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	30,000	2.9%	4.2%	230,264	1.9	17.1	1,750	3,109.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	63,200	3.3%	3.8%	132,085	4.2	15.4	4,101	858.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MWG	79,000	0.3%	5.3%	116,798	3.9	23.9	3,304	620.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HVN	33,950	3.2%	9.7%	105,734	-28.1	9.2	3,675	138.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	40,100	2.0%	2.3%	52,888	1.8	7.0	5,656	65.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PNJ	88,000	2.1%	0.9%	29,736	2.5	14.4	6,115	66.9	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GMD	69,200	0.4%	4.1%	29,077	2.4	18.1	3,826	147.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DXG	24,050	2.3%	7.8%	24,504	2.0	68.8	350	668.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	21,800	2.3%	-0.9%	23,657	2.0	-30.4	-707	41.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SJS	76,000	6.9%	7.2%	22,608	7.2	65.7	1,157	29.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	59,300	0.7%	1.5%	18,979	3.8	51.6	1,150	112.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	23,900	4.6%	5.5%	13,286	0.8	16.7	1,428	513.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HSG	20,500	2.5%	1.2%	12,730	1.1	27.3	751	347.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	150,800	-0.5%	0.6%	12,345	4.4	10.9	13,894	9.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NTP	65,000	3.3%	2.8%	11,117	3.0	12.1	5,384	35.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DGW	45,200	3.3%	4.9%	9,906	3.2	20.4	2,216	193.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
NKG	19,600	2.3%	9.5%	8,772	1.2	29.5	666	463.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KLB	23,800	0.0%	8.2%	8,600	1.2	7.3	3,275	12.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ANV	28,550	0.9%	4.4%	7,602	2.3	15.3	1,871	113.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BCR	1,800	-5.3%	-5.3%	856	0.2	3.3	547	6.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	71,000	0.6%	-4.6%	214,984	5.7	36.9	1,913	12.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	58,100	-0.5%	-3.5%	208,122	3.3	21.1	2,751	43.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	37,300	0.4%	-4.0%	12,924	3.1	27.7	1,348	64.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHI	14,100	-1.1%	0.0%	2,396	1.3	23.6	597	5.5	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
SGR	27,300	-0.5%	-10.2%	1,908	1.4	9.6	2,838	25.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTD	8,700	0.0%	-4.4%	208	0.8	-30.1	-289	7.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
FPT	101,600	-0.4%	-1.7%	173,076	5.2	20.0	5,092	757.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	35,600	0.7%	-2.7%	45,233	1.8	21.4	1,661	62.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	59,200	1.7%	-3.1%	14,333	3.0	11.4	5,215	13.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	60,200	0.7%	-0.5%	5,712	4.2	8.6	7,004	7.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	33,300	2.3%	-2.2%	3,680	2.5	15.3	2,174	22.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAX	13,150	1.9%	-5.4%	1,413	1.3	14.7	893	11.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	80,300	0.0%	-0.1%	144,002	4.6	54.7	1,469	30.0	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BCM	66,900	-1.0%	-1.2%	69,242	3.3	19.1	3,507	14.2	Tiêu cực	-4.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BAF	34,100	-0.7%	-1.6%	10,367	2.4	17.2	1,981	191.4	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HNG	6,300	-3.1%	0.0%	7,105	4.4	-6.0	-1,062	12.0	Tiêu cực	-4.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BGE	5,700	-6.6%	-5.0%	4,176	0.6	36.6	157	14.0	Tiêu cực	-4.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VTP	100,500	1.8%	-2.2%	12,239	7.3	30.3	3,317	29.3	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	30,100	0.3%	-2.0%	3,372	1.5	11.2	2,693	52.4	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NLG	41,250	2.10%	-5.82%	58,600	42.1%	1,709	1.6	24.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PTB	51,500	0.98%	1.38%	71,000	37.9%	6,075	1.2	8.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VHC	60,100	0.67%	3.26%	81,700	35.9%	6,444	1.4	9.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
KDH	34,800	-0.57%	-1.83%	47,100	35.3%	716	2.2	48.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLX	35,600	0.71%	-2.73%	47,800	34.3%	1,661	1.8	21.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	43,200	1.65%	-1.82%	56,100	29.9%	3,977	2.9	10.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DGC	97,500	0.52%	-0.41%	126,000	29.2%	8,175	2.5	11.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	89,100	1.95%	-1.87%	114,300	28.3%	4,930	5.1	18.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	58,100	-0.51%	-3.49%	74,300	27.9%	2,751	3.3	21.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	36,000	0.14%	-1.37%	45,800	27.2%	2,940	1.3	12.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	131,000	1.63%	-0.61%	165,300	26.2%	3,163	7.8	41.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	59,200	1.72%	-3.11%	73,900	24.8%	5,215	3.0	11.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	44,250	0.68%	0.57%	55,200	24.7%	2,518	2.2	17.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SAB	46,650	0.54%	-1.37%	58,000	24.3%	3,185	2.8	14.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	34,650	2.51%	-1.28%	42,400	22.4%	1,978	2.0	17.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	62,500	0.81%	-2.04%	76,100	21.8%	5,002	2.2	12.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	21,550	0.00%	-1.82%	26,200	21.6%	1,792	1.0	12.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TV2	36,400	0.28%	-2.80%	43,900	20.6%	1,065	1.9	34.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PNJ	88,000	2.09%	0.92%	105,900	20.3%	6,115	2.5	14.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	101,600	-0.39%	-1.74%	121,200	19.3%	5,092	5.2	20.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn